

Số: 121/2020/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 90/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa:

\* *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị H, sinh năm: 1979;  
Nghề nghiệp: Lao động tự do;  
Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

\* *Bị đơn*: Anh Đỗ Mạnh C, sinh năm 1972;  
Nghề nghiệp: Lái xe;  
Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị H và Anh Đỗ Mạnh C.
2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về con chung: Giao cháu Đỗ Đình Q, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2012 cho Anh Đỗ Mạnh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Đỗ Đình Q, mức cấp dưỡng: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng; phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian

cấp dưỡng: Từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu Q không ai được cản trở.

Cháu Đỗ Thị H, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2000, là con chung của chị H và anh C. Cháu H hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập. Anh C chị H không đề nghị Tòa án giải quyết phân nuôi con chung đối với cháu H.

*“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.*

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về phần tài sản chung; vợ chồng không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị H tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000332, ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đỗ Mạnh C không phải nộp án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Lương Thanh Huyền**

